

Bản án số: 123/2025/HS-PT  
Ngày: 12-8-2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Mai Nam Tiến

*Các Thẩm phán:* bà Lê Thu Hương và ông Phạm Trường Du

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 160/2025/TLPT-HS ngày 18 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo Nguyễn Văn S và Vi Văn S1, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là Tòa án nhân dân khu vực x - Thanh Hóa).

**- Bị cáo có kháng cáo:**

1. **Nguyễn Văn S**, sinh ngày 28/11/1993, tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa); số CCCD: 0380930xxxxx; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị H; có vợ là Vi Thị X và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

2. **Vi Văn S1**, sinh ngày 07/12/2000, tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn Q 1, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã L, tỉnh Thanh Hóa); số CCCD: 0382000xxxxx; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn L và bà Nguyễn Thị S2; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

**Người bào chữa cho các bị cáo:** Luật sư Đỗ Mạnh H1 - Công ty luật TNHH H, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Tòa S, đường D, phường C, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Vi Thị X, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa).

*Trong vụ án còn có những người tham gia tổ tụng khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 00 phút ngày 25/12/2024, tổ công tác Công an huyện T đang làm nhiệm vụ tại thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa thì phát hiện 01 xe ô tô tải thùng mang biển kiểm soát (BKS) 36C-xxx.xx do Nguyễn Văn S là lái xe và Vi Văn S1 là phụ xe đang chào bán các hàng hóa giá rẻ cho các cửa hàng tạp hóa trên địa bàn xã X nghi là hàng giả nên đã tiến hành kiểm tra. Quá trình kiểm tra tổ công tác phát hiện trên thùng xe có chứa các hàng hóa nghi vẫn là hàng giả như sau:

- 19(mười chín) gói ghi hạt nêm Knorr loại 170g; 07(bảy) gói ghi hạt nêm Knorr loại 400g; 10(mười) gói ghi hạt nêm Knorr loại 900g;
- 03(ba) gói ghi bột giặt Aba loại 2,9kg; 16(mười sáu) gói ghi bột giặt Aba loại 380g; 05(năm) gói ghi bột giặt Aba loại 770g;
- 02(hai) gói ghi bột giặt OMO loại 2,9kg; 17(mười bảy) gói ghi bột giặt OMO loại 350g.

Nguyễn Văn S và Vi Văn S1 khai nhận các gói ghi hạt nêm Knorr, bột giặt OMO, Aba trên là hàng giả do các đối tượng tự sản xuất, mang đi tiêu thụ. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc, thu giữ tang vật đồng thời đưa các đối tượng về trụ sở Công an huyện để làm việc. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn S và Vi Văn S1 khai nhận như sau:

Vào khoảng tháng 02/2024, S tìm hiểu trên không gian mạng thì biết được một số người sử dụng các sản phẩm rẻ tiền sau đó san, chiết, làm giả nhãn mác, bao bì của các sản phẩm nổi tiếng có thương hiệu để bán với giá cao kiếm lãi nên đã nảy sinh ý định sản xuất, buôn bán hàng giả để kiếm tiền. S tìm kiếm các hội, nhóm trên mạng xã hội facebook, messenger để học cách làm hàng giả hạt nêm Knorr, bột giặt OMO, bột giặt Aba. Quá trình tìm kiếm và gửi yêu cầu tham gia các hội, nhóm trên mạng xã hội, tài khoản messenger của S có tên “Trà đá đi em” được duyệt và trở thành thành viên của nhóm kín có tên “Nhóm bao bì”. Trong nhóm này có đăng bán các loại vỏ bao bì giả của nhiều thương hiệu quen thuộc được người tiêu dùng ưa chuộng, trong đó có hạt nêm nhãn hiệu Knorr, bột giặt nhãn hiệu OMO, bột giặt nhãn hiệu Aba và các loại hạt nêm, bột giặt giá rẻ. S đặt mua trên nhóm “Nhóm bao bì” 12 kg vỏ bao bì giả (vỏ bao bì đã được ép kín một đầu, hở một đầu) của nhãn hiệu hạt nêm Knorr, bao gồm các loại và ghi khối lượng là 170g, 400g, 900g, vỏ bao bì giả nhãn hiệu OMO bao gồm các loại vỏ ghi khối lượng 350g, 700g và 2,9kg; vỏ bao bì giả nhãn hiệu Aba bao gồm các loại vỏ ghi khối lượng 380g, 770g và 2,9kg. Ngoài ra Sơn còn đặt mua thêm 07(bảy) bì bột giặt nhãn hiệu “Vi Dân”, mỗi bì có khối lượng 17,4kg; 05(năm) bì hạt nêm nhãn hiệu “Ông Táo”, mỗi bì có khối lượng là 20kg. Tổng số tiền gồm bao bì, bột

giặt, hạt nêm S đặt mua trong nhóm “Nhóm bao bì” là hơn 4.800.000đ (Bốn triệu, tám trăm nghìn đồng).

Sau khi mua được nguyên liệu, đến tháng 5/2024 S bắt đầu sản xuất hàng giả tại nhà ở thôn C, xã T, huyện N để mang đi bán tại địa bàn huyện T, huyện L và huyện T1, tỉnh Thanh Hóa. Đến tháng 7/2024, S có ý định buôn bán thêm các mặt hàng thật, sản phẩm chính hãng như mỳ tôm, nước mắm, bánh kẹo, nước ngọt... nên đã thuê em vợ là Vi Văn S1 làm cùng để hỗ trợ việc bốc vác hàng hóa, mỗi tháng S trả cho S1 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) đến 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), trong thời gian đó S vẫn tiếp tục sản xuất các loại hàng giả là hạt nêm Knorr và bột giặt OMO, Aba. Quá trình làm việc cùng S, đến khoảng cuối tháng 7/2024 S1 biết S tự sản xuất hàng giả để bán, do đó S đã rủ S1 tham gia làm hàng giả cùng thì S1 đồng ý. S và S1 cùng nhau sản xuất hàng giả từ cuối tháng 7/2024, sau khi sử dụng hết các nguyên liệu hạt nêm Ông Táo, bột giặt Vì Dân mà S đã đặt mua trước đó qua messenger thì S tiếp tục tìm mua nguyên liệu (hạt nêm Ông Táo và bột giặt Vì Dân) tại khu vực thành phố T. Từ cuối tháng 7/2024 đến khi bị Công an huyện T phát hiện, S cùng S1 đi mua hạt nêm Ông Táo, bột giặt Vì Dân với nhau 02 (hai) lần tại khu vực T thuộc địa phận thành phố T về để sản xuất hàng giả gồm hạt nêm Knorr và bột giặt OMO, Aba cụ thể như sau:

- Lần 1: Mua 11(mười một) bì bột giặt nhãn hiệu “Vì Dân”, mỗi bì có khối lượng 17,4kg; 07(bảy) bì hạt nêm nhãn hiệu “Ông Táo”, mỗi bì có khối lượng là 20kg;

- Lần 2: Mua 10(mười) bì bột giặt nhãn hiệu “Vì Dân”, mỗi bì có khối lượng 17,4kg; 10(mười) bì hạt nêm nhãn hiệu “Ông Táo”, mỗi bì có khối lượng là 20kg.

Quy trình sản xuất hàng giả của S và S1 như sau: Trước khi sản xuất các loại hàng giả S cắm điện cho máy ép nhiệt nóng lên rồi sau đó chuẩn bị chậu nhựa, bát sứ, cân và các loại nguyên liệu (hạt nêm, bột giặt), bao bì giả đã mua trước đó.

Đối với việc sản xuất hạt nêm nhãn hiệu Knorr giả: S dùng tay tháo dây dù một đầu bì hạt nêm nhãn hiệu “Ông Táo” loại 20kg, rồi lấy từng bì hạt nêm nhỏ loại 5kg đổ ra chậu nhựa, sau đó S và S1 thay nhau dùng bát sứ xúc hạt nêm trong chậu đổ vào trong các bao bì hạt nêm nhãn hiệu Knorr tương ứng, cân đủ theo khối lượng được in trên các loại bao bì. Sau đó S là người thực hiện hàn kín miệng bao bì bằng máy ép nhiệt tạo thành các gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr giả thành phẩm.

Đối với việc sản xuất bột giặt nhãn hiệu OMO và nhãn hiệu Aba giả: S dùng tay tháo dây dù một đầu bì bột giặt nhãn hiệu “Vì Dân” loại 17,4kg rồi lấy từng bì bột giặt nhỏ loại 5,8kg đổ ra chậu nhựa sau đó S và S1 thay nhau dùng bát sứ xúc bột giặt trong chậu đổ vào trong các bao bì bột giặt nhãn hiệu OMO, Aba tương ứng, cân đủ theo khối lượng được in trên các loại bao bì. Sau đó S là người thực hiện hàn kín miệng bao bì bằng máy ép nhiệt tạo thành các gói bột giặt nhãn hiệu OMO, Aba giả thành phẩm.

Sau khi sản xuất hàng giả xong S và S1 mang lên xe ô tô BKS 36C-xxx.xx để cất giấu. Trong đó hạt nêm Knorr giả S và S1 để ở góc trên, bên trái thùng xe ô tô; bột giặt giả S và S1 để phía sau ghế ngồi ở đầu xe ô tô, rồi mang đi tiêu thụ tại các cửa hàng tạp hóa trên địa bàn huyện T, huyện L và huyện T1, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 25/12/2024 sau khi S và S1 vừa bán các sản phẩm là hạt nêm Knorr giả, bột giặt OMO, Aba giả cho cửa hàng của gia đình bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1969 và cửa hàng của gia đình bà Hoàng Thị H3, sinh năm 1985 đều trú tại thôn T, xã Xuân C, huyện T, đang trên đường đi giao hàng cho các cửa hàng khác thì bị Công an huyện T phát hiện và thu giữ toàn bộ hạt nêm Knorr, bột giặt OMO, Aba giả thành phẩm mà S và S1 tự sản xuất mà có.

Ngoài lần bán hàng giả vào ngày 25/12/2024, S và S1 còn có nhiều lần bán hàng giả là hạt nêm Knorr và bột giặt OMO, Aba cho các cửa hàng tạp hóa trên địa bàn huyện T, huyện T1 và huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Cụ thể như sau:

- Khoảng tháng 11/2024, S và S1 đã bán cho cửa hàng của ông Cầm Bá L1, sinh năm 1973 trú tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; cửa hàng của gia đình bà Đoàn Thị V, sinh năm 1984 trú tại thôn K, xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, cửa hàng của gia đình chị Vi Thị T, sinh năm 1995 trú tại thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Khoảng tháng 12/2024, S và S1 đã bán cho cửa hàng của bà Cầm Thị C, sinh năm 1980, trú tại thôn T 2, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; cửa hàng của gia đình ông Đỗ Doãn T1, sinh năm 1981, trú tại thôn N, xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; cửa hàng của gia đình bà Hà Thị N, sinh năm 1984 trú tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; cửa hàng của gia đình bà Lê Thị M, sinh năm 1979 và cửa hàng của gia đình bà Phạm Thị N1, sinh năm 1964, đều trú tại thôn B, xã X, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa; cửa hàng của gia đình bà Lương Thị D, sinh năm 1985, trú tại thôn N, xã G, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn S tại thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và thôn Q 1, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gồm: 01(một) máy ép nhiệt nhãn hiệu Tân Tân, loại 220V, đã qua sử dụng; 01(một) cân đồng hồ màu xanh loại 5kg, đã qua sử dụng; 04(bốn) vỏ bao bì hạt nêm nhãn hiệu Ông Táo loại 5kg, bao bì đã qua sử dụng; 06(sáu) bì bột giặt nhãn hiệu Vì Dân, trên bao bì ghi: Quy cách đóng gói 5,8kg x 3 túi = 17,4kg, bao bì còn nguyên vẹn; 04(bốn) bao bì bột giặt nhãn hiệu Vì Dân, quy cách đóng gói 5,8kg x 3 túi = 17,4kg, bao bì đã qua sử dụng; 05(năm) bao bì bột giặt nhãn hiệu Vì Dân loại có khối lượng bao bì 5,8kg, bao bì đã qua sử dụng; 04(bốn) bì hạt nêm nhãn hiệu Ông Táo, trên bao bì ghi: Quy cách đóng gói 05kg x 04 túi = 20kg, còn nguyên vẹn; 1.227 vỏ bao bì giả các nhãn hiệu bao gồm: 642(sáu trăm bốn mươi hai) vỏ bao bì hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 170g, chưa sử dụng; 412(bốn trăm mười hai) vỏ bao bì hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 400g, chưa sử dụng; 173(một trăm bảy mươi ba) vỏ bao bì hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 900g, chưa sử dụng; 19(mười chín) gói bột giặt nhãn hiệu Aba loại 770g; 23(hai mươi

ba) gói bột giặt nhãn hiệu OMO loại 700g; 01(một) túi bột giặt nhãn hiệu Vì Dân loại 5,8kg, bao bì còn nguyên vẹn.

Mở rộng điều tra, Cơ quan CSĐT đã phát hiện và thu hồi thêm các sản phẩm hàng giả do S và S1 sản xuất, bán cho các cửa hàng sau:

- Tại cửa hàng của gia đình bà Nguyễn Thị H2 phát hiện, thu hồi 16(mười sáu) gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 900g; 04(bốn) gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 400g; 06(sáu) gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 170g; 15(mười lăm) gói bột giặt nhãn hiệu OMO loại 700g; 03(ba) gói bột giặt nhãn hiệu OMO loại 2,9kg.

- Tại cửa hàng của gia đình bà Hoàng Thị H3 phát hiện, thu hồi 14(mười bốn) gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 400g.

- Tại cửa hàng của gia đình ông Cẩm Bá L1 phát hiện, thu hồi 03(ba) gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 900g; 06(sáu) gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 170g; 05(năm) gói bột giặt nhãn hiệu OMO loại 350g; 03(ba) gói bột giặt nhãn hiệu OMO loại 700g.

- Tại cửa hàng của gia đình bà Cẩm Thị C phát hiện, thu hồi 03(ba) gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 900g.

- Tại cửa hàng của gia đình ông Đỗ Doãn T1 phát hiện, thu hồi 04(bốn) gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 400g; 02(hai) gói bột giặt nhãn hiệu OMO loại 700g; 07(bảy) gói bột giặt nhãn hiệu OMO loại 350g.

- Tại cửa hàng của gia đình bà Đoàn Thị V phát hiện, thu hồi 05(năm) gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 900g; 01(một) gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 400g; 05(năm) gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 170g; 06(sáu) gói bột giặt nhãn hiệu OMO loại 700g; 04(bốn) gói bột giặt nhãn hiệu OMO loại 350g; 01(một) gói bột giặt nhãn hiệu OMO loại 2,9kg.

- Tại cửa hàng của gia đình bà Hà Thị N phát hiện, thu hồi 05(năm) gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 900g; 01(một) gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 170g.

- Tại cửa hàng của gia đình bà Lê Thị M phát hiện, thu hồi 05(năm) gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 900g; 05(năm) gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 400g; 02(hai) gói bột giặt nhãn hiệu Aba loại 770g; 02(hai) gói bột giặt Aba loại 380g; 02(hai) gói bột giặt nhãn hiệu OMO loại 350g; 01(một) gói bột giặt nhãn hiệu OMO loại 2,9kg.

- Tại cửa hàng của gia đình bà Phạm Thị N1 phát hiện, thu hồi 05(năm) gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 400g; 05(năm) gói bột giặt Aba loại 770g.

- Tại cửa hàng của gia đình bà Lương Thị D phát hiện, thu hồi 05(năm) gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 900g; 02(hai) gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 400g; 02(hai) gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 170g.

- Tại cửa hàng của gia đình chị Vi Thị T phát hiện, thu hồi 19(mười chín) gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 170g.

Tại Kết luận giám định số: 96/KL-KTHS ngày 07/01/2025 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: Các gói ghi hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại

900g/gói, loại 400g/gói và loại 170g/gói gửi giám định đều không cùng loại với các gói hạt nêm nhãn hiệu Knorr loại 900g/gói, loại 400g/gói và loại 170g/gói do Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam cung cấp làm mẫu so sánh.

Các gói ghi bột giặt nhãn hiệu OMO loại 2,9 kg/gói, loại 700g/gói và loại 350g/gói gửi giám định đều không cùng loại với các gói bột giặt nhãn hiệu OMO loại 2,9 kg/gói, loại 700g/gói và loại 350g/gói do Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam cung cấp làm mẫu so sánh.

Các gói ghi bột giặt nhãn hiệu Aba loại 2,9kg/gói, loại 770g/gói và loại 380g/gói gửi giám định đều không cùng loại với các gói bột giặt nhãn hiệu Aba loại 2,9kg/gói, loại 770g/gói và loại 380g/gói do Công ty Cổ phần Đại Việt Hương cung cấp làm mẫu so sánh.

Tại kết luận định giá số: 02/KL-HĐĐGTS ngày 22/01/2025 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T kết luận:

Giá trị 52(năm mươi hai) gói hạt nêm nhãn hiệu Knor loại 900g/gói; 42(bốn mươi hai) gói hạt nêm Knor loại 400g/gói; 58(năm mươi tám) gói hạt nêm nhãn hiệu Knor loại 170g/gói là: 6.680.280đ (*sáu triệu, sáu trăm tám mươi nghìn, hai trăm tám mươi đồng*);

Giá trị 07(bảy) gói bột giặt nhãn hiệu OMO loại 2,9kg; 49(bốn mươi chín) gói bột giặt nhãn hiệu OMO loại 700g/gói; 35(ba mươi lăm) gói bột giặt nhãn hiệu OMO loại 350g/gói là: 3.601.500đ (*ba triệu, sáu trăm linh một nghìn, năm trăm đồng*).

Giá trị 03(ba) gói bột giặt nhãn hiệu Aba loại 2,9kg/gói; 31(ba mươi mốt) gói bột giặt nhãn hiệu Aba loại 770g/gói; 18(mười tám) gói bột giặt nhãn hiệu Aba loại 380g/gói là: 2.074.500đ (*hai triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm đồng*).

Quá trình điều tra, ngày 26/12/2024 Nguyễn Văn S đã tự nguyện giao nộp số tiền 10.000.000 đồng. Theo trình bày của S, đây là số tiền thu lợi bất chính từ việc sản xuất, buôn bán hàng giả trong thời gian từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi bị Cơ quan điều tra phát hiện, ngăn chặn.

Đối với hành vi sản xuất, buôn bán bột giặt OMO, bột giặt ABA giả: Bột giặt là chất tẩy rửa, không phải là thực phẩm. Hành vi sản xuất, buôn bán bột giặt giả của S và S1 với giá trị hàng hóa tương đương hàng thật là 5.676.000 đồng (dưới 30.000.000 đồng) không cấu thành tội phạm mà chỉ vi phạm hành chính. Do hành vi xảy ra tại thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, Cơ quan CSĐT công an huyện T đã chuyển toàn bộ hồ sơ liên quan đến hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả (gồm bột giặt nhãn hiệu OMO, bột giặt nhãn hiệu Aba) của các bị cáo đến Công an huyện N, tỉnh Thanh Hóa để xử lý theo quy định.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S, Vi Văn S1 phạm tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm”. Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 193; điểm g khoản 1 Điều 52: điểm b, s khoản 1, khoản 2

Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn S 34 (ba mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, xử phạt Vi Văn S1 31 (ba mươi một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Nguyễn Văn S số tiền 35.000.000 đồng; Vi Văn S1 số tiền 30.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước: 01(một) xe ô tô tải biển kiểm soát 36C-xxx.xx.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý các vật chứng khác, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/5/2025 cả hai bị cáo Nguyễn Văn S và Vi Văn S1 kháng cáo. Bị cáo S đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án hình sự sơ thẩm, với các nội dung: không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên đối với bị cáo; xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; trả lại chiếc xe ô tô tải màu xanh, thùng màu trắng, nhãn hiệu Frontier K200, trọng tải 1,9 tấn, BKS 36C-xxx.xx cho vợ bị cáo là chị Vi Thị X; bị cáo S1 xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo S và bị cáo S1 xuất trình biên lai thu tiền, đơn xin xác nhận nhân thân và hoàn cảnh gia đình, theo đó bị cáo S đã nộp 35.000.000 đồng, bị cáo S1 đã nộp 30.000.000 đồng là tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu và có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S, giữ nguyên phần quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo S; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Vi Văn S1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo; giữ nguyên phần quyết định về xử lý vật chứng; ghi nhận các bị cáo đã nộp đủ tiền phạt bổ sung tại bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là Tòa án nhân dân khu vực x - Thanh Hóa). Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn S và Vi Văn S1 làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của các bị cáo không ảnh hưởng đến việc xét xử, do đó không chấp nhận đề nghị hoãn phiên tòa. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong thời gian từ tháng 5/2024 đến tháng 12/2024, Nguyễn Văn S và Vi Văn S1 đã có hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm đối với mặt hàng hạt nêm nhãn hiệu Knorr của Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam, có giá trị hàng hóa tương đương hàng thật là 6.680.280 đồng. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Văn S và Vi Văn S1 về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm” theo khoản 1 Điều 193 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, quyền sở hữu công nghiệp của các doanh nghiệp, gây thiệt hại đến lợi ích vật chất, uy tín doanh nghiệp có sản phẩm hàng hóa bị làm giả, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân.

[5] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, các bị cáo đều phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên, do đó cần phải được xử lý nghiêm minh. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình để xử phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ, mức hình phạt 34 (ba mươi bốn) tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Văn S, 31 (ba mươi một) tháng tù đối với bị cáo Vi Văn S1 là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S:

[6.1] Về đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên:

Phạm tội từ 02 lần trở lên được hiểu là: Người phạm tội thực hiện cùng một hành vi phạm tội từ hai lần trở lên mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa hết thời hiệu truy cứu và không bị xét xử. Hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả của các bị cáo thể hiện: các bị cáo đi

mua nguyên liệu giá rẻ, sản xuất hàng hóa giả mạo hàng chất lượng cao, rồi đưa đi tiêu thụ. Các bị cáo đã có ít nhất 02 lần đi mua nguyên liệu và đưa đi tiêu thụ nhiều lần, bán cho nhiều người, nên hành vi của các bị cáo là phạm tội 02 lần trở lên. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS phạm tội 02 lần trở lên đối với các bị cáo là có căn cứ.

[6.2] Về đề nghị giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo:

Bị cáo Nguyễn Văn S là người có vai trò chính trong vụ án, đã rủ rê bị cáo S1 (là em vợ) cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã dùng xe ô tô của gia đình để làm phương tiện phạm tội. Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên đối với tội phạm nghiêm trọng, bị cáo phạm tội trong thời điểm hiện nay cả nước đang tích cực phòng, chống hành vi buôn bán hàng giả, gian lận thương mại. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền phạt bổ sung là 35.000.000 đồng và có đơn xin xác nhận nhân thân và hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo 02(hai) tháng tù, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo.

[6.3] Về đề nghị trả lại chiếc xe ô tô tải màu xanh, thùng màu trắng, nhãn hiệu Frontier K200, trọng tải 1,9 tấn, BKS 36C-xxx.xx cho chị Vi Thị X là vợ bị cáo:

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Văn S đã sử dụng xe ô tô tải màu xanh, thùng màu trắng, nhãn hiệu Frontier K200, trọng tải 1,9 tấn, biển kiểm soát 36C-xxx.xx để cất giấu, vận chuyển hàng giả đi tiêu thụ, nên xác định xe ô tô này là phương tiện phạm tội. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS thì phương tiện dùng vào việc phạm tội sẽ bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tịch thu tiêu hủy. Mặc dù chủ phương tiện là chị Vi Thị X (vợ bị cáo S) nhưng ô tô là phương tiện sử dụng chung trong gia đình. Việc bị cáo sản xuất hàng giả tại nhà, sau đó nhiều lần dùng ô tô chở hàng giả đi tiêu thụ, thì chị X phải biết hoặc buộc phải biết hành vi của bị cáo dùng ô tô chở hàng giả đi tiêu thụ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu xe ô tô nói trên để phát mại sung vào ngân sách nhà nước là đúng quy định của pháp luật. HĐXX phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị cáo.

[7] Xét kháng cáo của bị cáo Vi Văn S1:

Bị cáo S1 tuy bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên đối với tội phạm nghiêm trọng, nhưng bị cáo là người có vai trò thứ yếu trong vụ án, việc thực hiện hành vi phạm tội là do bị cáo S rủ rê, lôi kéo. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền phạt bổ sung là 30.000.000 đồng và có đơn xin xác nhận nhân thân và hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo là người có vai trò thứ yếu trong vụ

án, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nên HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tiền phạt bổ sung: trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, các bị cáo đã nộp đủ tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm, nên HĐXX phúc thẩm ghi nhận các bị cáo đã nộp đủ tiền phạt bổ sung.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận một phần nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn S và Vi Văn S1, sửa quyết định về hình phạt đối với các bị cáo theo hướng giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo S; giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo S1; giữ nguyên quyết định về xử lý vật chứng tại bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân khu vực x - Thanh Hóa, như sau:

\* Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 193; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS (áp dụng thêm Điều 65 BLHS đối với bị cáo Vi Văn S1);

- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn S và Vi Văn S1 phạm tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm”.

- Xử phạt: + Bị cáo Nguyễn Văn S **32 (ba mươi hai)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Bị cáo Vi Văn S1 **31 (ba mươi mốt)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **60 (sáu mươi)** tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Vi Văn S1 cho Ủy ban nhân dân xã và Công an xã L, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện

hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

\* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Văn S bị phạt bổ sung số tiền 35.000.000 đồng, bị cáo Vi Văn S1 bị phạt bổ sung số tiền 30.000.000 đồng, bị cáo S đã nộp 35.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002903 ngày 17/6/2025, bị cáo S1 đã nộp 30.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002904 ngày 17/6/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực x - Thanh Hóa, các bị cáo S và S1 đã nộp đủ tiền phạt bổ sung.

\* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước chiếc xe ô tô tải màu xanh, thùng màu trắng, nhãn hiệu Frontier K200, trọng tải 1,9 tấn, biển kiểm soát 36C-xxx.xx.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn S và Vi Văn S1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực x - Thanh Hóa;
- TAND khu vực x - Thanh Hóa;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa;
- CQ THAHS Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng THADS khu vực x - Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu: HS vụ án; Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Nam Tiến**